

Bản án số: 1233/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 01/10/2019  
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Tý
2. Bà Đỗ Thị Giang.

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trần Thị Trúc Ly – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 815/2019/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2019, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh D; Sinh năm: 1958; Hộ khẩu thường trú: 6/49 đường số X, phường Y, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1961; Hộ khẩu thường trú: 6/49 đường số X, phường Y, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn – ông Nguyễn Anh D trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị H tự tìm hiểu nhau và quyết định sống chung với nhau vào tháng 01 năm 1988. Có tổ chức đám cưới có sự chứng kiến của gia đình và bạn bè đôi bên. Ông và bà H sống với nhau không đăng ký kết hôn do không hiểu biết về pháp luật. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do ông hay ăn nhậu, bỏ bê gia đình, một phần do kinh tế khó khăn và bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Đỉnh điểm là năm 2009 sau khi cãi nhau xong thì sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng ông và bà H vẫn không có tiếng nói chung và không thể sống chung

được nữa. Ông xác định đã hết tình cảm với bà H nên yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên do không đang ký kết hôn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà H theo quy định của pháp luật về thủ tục ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Anh Kh; Sinh ngày: 19/4/1989, hiện nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông là người cao tuổi nên đề nghị được miễn nộp tiền án phí.

*Bị đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Anh D là đúng. Bà và ông Nguyễn Anh D tự tìm hiểu nhau và quyết định sống chung với nhau vào tháng 01 năm 1988. Có tổ chức đám cưới có sự chứng kiến của gia đình và bạn bè đôi bên. Bà và ông D không đăng ký kết hôn do không hiểu biết về pháp luật. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D hay ăn nhậu, bỏ bê gia đình, một phần do kinh tế khó khăn và bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2009 thì sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng bà và ông D vẫn không có tiếng nói chung và không thể sống chung được nữa. Bà đã lớn tuổi nên muốn ổn định cuộc sống và xác định đã hết tình cảm với ông D nên ông D yêu cầu ly hôn bà cũng đồng ý ly hôn với ông D. Nhưng do bà và ông D không đang ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định về pháp luật về thủ tục ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Anh Kh; Sinh ngày: 19/4/1989, hiện nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thị H. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Anh Kh; Sinh ngày: 19/4/1989. Hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung: các đương sự yêu cầu tự

thỏa thuận nên không xem xét. Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn – ông Nguyễn Anh D xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H, bà H cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – ông Nguyễn Anh D và bị đơn – bà Nguyễn Thị H đều có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Ông Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thị H xác nhận hai bên tự nguyện chung sống từ tháng 01 năm 1988 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nơi ông D và bà H cư trú xác nhận không có tên ông D và bà H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân. Ông D và bà H sống chung với nhau từ năm 1988 đến thời điểm này đã có đủ điều kiện để kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nhưng ông D và bà H không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đúng nghi thức được quy định tại Điều 14 của luật này. Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”*.

Đối chiếu với các quy định trên thì quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà H không được pháp luật thừa nhận. Do đó, ông D nộp đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H, là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, theo Nghị Quyết số 35/2000/QH10 của Quốc Hội ngày 09/6/2000 tại điểm b Khoản 3 có quy định: *“Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Ông D và bà H không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thị H theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-

TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Ông Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thị H có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Anh Kh; Sinh ngày: 19/4/1989, hiện nay Nguyễn Anh Kh đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thị H cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét giải quyết.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Miễn nộp án phí sơ thẩm cho ông Nguyễn Anh D do ông D là người cao tuổi theo định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Anh D với bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Anh Kh; Sinh ngày: 19/4/1989, hiện nay anh Nguyễn Anh Kh đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thị H cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Miễn nộp án phí sơ thẩm cho ông Nguyễn Anh D do ông D là người cao tuổi theo định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án sơ thẩm xét xử công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Bình Tân;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Lệ Hoa**